|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 15/2021/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**(Bản trích Nghị định)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.*

(**Một số lưu ý:** Phần nội dung trình bày dưới đây là trích dẫn của Tổng hội từ Nghị định có liên quan tới quy định về Hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng. Một số phần có in nghiêng đậm là các lưu ý khi tổ chức có nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật số 62/2020/QH14) về quản lý dự án đầu tư xây dựng, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng; khảo sát xây dựng; cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; xây dựng công trình đặc thù và thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại nước ngoài; quản lý năng lực hoạt động xây dựng; hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước hoạt động đầu tư xây dựng tại nước ngoài thực hiện theo quy định riêng tại Mục 2 Chương V Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định của Nghị định này và pháp luật về quản lý sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; trường hợp quy định của điều ước quốc tế về vốn ODA đã được ký kết có quy định khác quy định của Nghị định này thì áp dụng theo điều ước quốc tế.

**Chương VI**

**ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Mục 1. ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CÁ NHÂN**

**Điều 62. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam để đảm nhận các chức danh hoặc hành nghề độc lập quy định tại khoản 3 Điều 148 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 53 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

Các lĩnh vực, phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định này. Các hoạt động tư vấn liên quan đến kiến trúc, phòng cháy chữa cháy thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc và phòng cháy chữa cháy.

2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có giấy phép năng lực hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, nếu hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam dưới 06 tháng hoặc ở nước ngoài nhưng thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng tại Việt Nam thì giấy phép năng lực hành nghề phải được hợp pháp hóa lãnh sự để được công nhận hành nghề. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên, phải chuyển đổi chứng chỉ hành nghề tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điều 64 Nghị định này.

3. Cá nhân không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nghị định này khi thực hiện các hoạt động xây dựng sau:

a) Thiết kế, giám sát hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình;

b) Thiết kế, giám sát công tác hoàn thiện công trình xây dựng như trát, ốp lát, sơn, lắp đặt cửa, nội thất và các công việc tương tự khác không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình;

c) Các hoạt động xây dựng đối với công trình cấp IV; công viên cây xanh; đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông.

4. Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề được tham gia các hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và không được hành nghề độc lập, không được đảm nhận chức danh theo quy định phải có chứng chỉ hành nghề.

5. Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực 05 năm khi cấp lần đầu hoặc cấp Điều chỉnh hạng chứng chỉ, gia hạn chứng chỉ. Riêng đối với chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 05 năm.

Trường hợp cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hoặc cấp lại do chứng chỉ cũ còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin thì ghi thời hạn theo chứng chỉ được cấp trước đó.

6. Chứng chỉ hành nghề có quy cách và nội dung chủ yếu theo Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định này.

7. Chứng chỉ hành nghề được quản lý thông qua số chứng chỉ hành nghề, bao gồm 02 nhóm ký hiệu, được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), quy định như sau:

a) Nhóm thứ nhất: Có 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục VIII Nghị định này;

b) Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ hành nghề.

8. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề; quản lý cấp mã số chứng chỉ hành nghề; công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử.

**Điều 63. Cấp, thu hồi, gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Chứng chỉ hành nghề được cấp cho cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề;

b) Gia hạn chứng chỉ hành nghề;

c) Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ;

d) Cấp lại chứng chỉ hành nghề do chứng chỉ hành nghề cũ còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin;

đ) Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định này.

2. Chứng chỉ hành nghề của cá nhân bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định này;

b) Giả mạo giấy tờ, kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

c) Cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề;

đ) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề;

đ) Chứng chỉ hành nghề bị ghi sai thông tin do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề;

e) Chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền;

g) Chứng chỉ hành nghề được cấp khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định.

3. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện như trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này được cấp lại chứng chỉ hành nghề theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định này.

4. Cá nhân thực hiện việc gia hạn chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 03 tháng tính tới thời điểm chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực. Sau thời hạn này, cá nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động xây dựng thì thực hiện đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Điều 64. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng I;

b) Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III;

c) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận quy định tại Điều 81 Nghị định này cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân là hội viên, thành viên của mình.

2. Thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề là cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề do mình cấp;

b) Trường hợp chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng quy định mà cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề không thực hiện thu hồi thì Bộ Xây dựng trực tiếp quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề.

**Điều 65. Quyền và trách nhiệm của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề**

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu được cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Được hành nghề hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung quy định được ghi trên chứng chỉ;

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các nội dung khai trong hồ sơ;

b) Hành nghề đúng với lĩnh vực, phạm vi hoạt động ghi trên chứng chỉ hành nghề được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Không được cho người khác thuê, mượn, sử dụng chứng chỉ hành nghề được cấp;

d) Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ hành nghề;

đ) Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

e) Xuất trình chứng chỉ hành nghề và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

**Điều 66. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Hạng I; Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

c) Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp.

3. Đạt yêu cầu sát hạch đối với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 67. Chuyên môn phù hợp khi xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Khảo sát xây dựng:

a) Khảo sát địa hình: Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về địa chất công trình, trắc địa, bản đồ, các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan;

b) Khảo sát địa chất công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về địa chất công trình, địa chất thủy văn, các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan.

2. Thiết kế quy hoạch xây dựng: Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông.

3. Thiết kế xây dựng:

a) Thiết kế kết cấu công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến kết cấu công trình (không bao gồm các công trình khai thác mỏ, giao thông, công trình thủy lợi, đê điều);

b) Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp): Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến hệ thống kỹ thuật điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt;

c) Thiết kế cấp - thoát nước công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến cấp - thoát nước,

d) Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ: chuyên môn được đào tạo thuộc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến công trình ngầm và mỏ;

đ) Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải): Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến công trình giao thông;

e) Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn: Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến cấp nước, thoát nước, kỹ thuật môi trường đô thị và các chuyên ngành kỹ thuật tương ứng;

g) Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều: Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến công trình thủy lợi, đê điều và các chuyên ngành kỹ thuật tương ứng.

4. Giám sát thi công xây dựng:

a) Giám sát công tác xây dựng công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về kỹ thuật xây dựng, kinh tế xây dựng, kiến trúc, chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình;

b) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt, cấp - thoát nước, chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến lắp đặt thiết bị công trình.

5. Định giá xây dựng: Chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kinh tế xây dựng, kỹ thuật xây dựng và các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan.

6. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, kinh tế xây dựng, chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình.

**Điều 68. Chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng**

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.

3. Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.

**Điều 69. Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng**

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng (trong đó ít nhất 01 đồ án là quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Hạng III: Đã tham gia lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

**Điều 70. Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng**

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề,

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 71. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng**

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

1. Hạng I: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 72. Chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng**

1. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng được chủ trì thực hiện các công việc về quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm:

a) Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;

c) Đo bóc khối lượng;

d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;

đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

a) Hạng I: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 01 công trình từ cấp 1 hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên;

b) Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên;

c) Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.

**Điều 73. Chứng chỉ hành nghề quản lý dự án**

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 66, Điều 67 Nghị định này và điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

1. Hạng I: Đã làm giám đốc quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề tương ứng (thiết kế xây dựng hạng I; giám sát thi công xây dựng hạng I; định giá xây dựng hạng I) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề tương ứng (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C trở lên thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

**Điều 74. Điều kiện hành nghề đối với chỉ huy trưởng công trường**

1. Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

a) Hạng I: Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường phần việc thuộc nội dung hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II cùng lĩnh vực trở lên;

b) Hạng II: Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường phần việc thuộc nội dung hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III cùng lĩnh vực trở lên;

c) Hạng III: Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III hoặc đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III hoặc 02 công trình từ cấp IV cùng lĩnh vực trở lên.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng I: Được làm chỉ huy trưởng công trường đối với tất cả các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thuộc lĩnh vực công trình đã làm chỉ huy trưởng công trường;

b) Hạng II: Được làm chỉ huy trưởng công trường đối với công trình từ cấp II trở xuống thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thuộc lĩnh vực công trình đã làm chỉ huy trưởng công trường;

c) Hạng III: Được làm chỉ huy trưởng công trường đối với công trình cấp III, cấp IV thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thuộc lĩnh vực công trình đã tham gia thi công xây dựng.

**Điều 75. Điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng**

1. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng của bộ phận công trình, công trình xây dựng; chủ trì kiểm định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

a) Hạng I: Đã có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng I hoặc đã làm chủ trì kiểm định xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II cùng loại trở lên;

b) Hạng II: Đã có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng II hoặc đã làm chủ trì kiểm định xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III cùng loại trở lên;

c) Hạng III: Đã có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng III hoặc đã tham gia kiểm định xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV cùng loại trở lên.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng I: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng tất cả các công trình cùng loại;

b) Hạng II: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng công trình từ cấp II trở xuống cùng loại;

c) Hạng III: Được làm chủ trì kiểm định xây dựng công trình cấp III trở xuống cùng loại.

**Điều 76. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, điều chỉnh hạng chứng chỉ, gia hạn chứng chỉ hành nghề, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định này;

b) 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm và tệp tin ảnh có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp;

Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng, gia hạn chứng chỉ hành nghề;

đ) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai;

e) Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài;

g) Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

h) Các tài liệu theo quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định này;

b) 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm và tệp tin ảnh có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại;

d) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này trong trường hợp cấp lại chứng chỉ nhưng lĩnh vực cấp có thay đổi nội dung theo quy định tại Nghị định này;

đ) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định này;

b) 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm và tệp tin ảnh có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản gốc chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

4. Hồ sơ đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định này;

b) 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm và tệp tin ảnh có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.

5. Cá nhân thực hiện nộp lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Việc thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 77. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề quyết định. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo kết quả xét hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, thời gian, địa điểm sách hạch trước thời gian tổ chức sát hạch ít nhất 03 ngày làm việc.

3. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kiến thức pháp luật và phần câu hỏi về kiến thức chuyên môn. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề còn thời hạn sử dụng thi khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ.

Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề trong trường hợp chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng thì không yêu cầu sát hạch.

4. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét cấp chứng chỉ hành nghề.

5. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm bố trí địa điểm tổ chức sát hạch đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, cụ thể như sau:

a) Địa điểm tổ chức sát hạch phải bố trí khu vực thực hiện sát hạch và khu vực chờ, hướng dẫn sát hạch;

b) Khu vực thực hiện sát hạch có diện tích tối thiểu đủ để bố trí bàn ghế và ít nhất 10 máy tính để thực hiện sát hạch;

c) Hệ thống máy tính phải ở trạng thái làm việc ổn định, được kết nối theo mô hình mạng nội bộ (mạng LAN), kết nối với máy in và kết nối mạng Internet. Đường truyền mạng Internet phải có lưu lượng tín hiệu truyền dẫn đủ đáp ứng cho số lượng hệ thống máy tính tại khu vực thực hiện sát hạch bảo đảm ổn định, không bị gián đoạn trong suốt quá trình thực hiện sát hạch;

d) Hệ thống camera quan sát: Có bố trí camera quan sát có độ phân giải tối thiểu 1280 x 720 (720P), đảm bảo quan sát được khu vực thực hiện sát hạch và có khả năng lưu trữ dữ liệu trong thời gian tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày tổ chức sát hạch;

đ) Hệ thống âm thanh: Có tối thiểu 01 bộ loa phóng thanh để thông báo công khai các thông tin về quá trình sát hạch;

e) Máy in: Được bố trí tối thiểu 01 chiếc phục vụ in Phiếu kết quả sát hạch và 01 máy in dự phòng sử dụng trong trường hợp cần thiết;

g) Phần mềm sát hạch do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng chuyển giao, sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

6. Cá nhân thực hiện nộp chi phí khi tham gia sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. Việc thu, nộp, quản lý sử dụng chi phí sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

**Điều 78. Tổ chức thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Trường hợp cá nhân đề nghị cấp mới; điều chỉnh, bổ sung lĩnh vực, nâng hạng chứng chỉ hành nghề thì đề sát hạch bao gồm 05 câu hỏi về kiến thức pháp luật (bao gồm pháp luật chung và pháp luật về xây dựng theo từng lĩnh vực) và 20 câu hỏi về kiến thức chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, số điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 100 điểm, trong đó điểm tối đa cho phần kinh nghiệm nghề nghiệp là 80 điểm, điểm tối đa cho phần kiến thức pháp luật là 20 điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch phần kiến thức pháp luật tối thiểu 16 điểm và tổng điểm từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu để xem xét cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Trường hợp cá nhân được miễn sát hạch về kiến thức chuyên môn thì đề sát hạch bao gồm 10 câu về kiến thức pháp luật, số điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 40 điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch từ 32 điểm trở lên thì đạt yêu cầu để xem xét cấp chứng chỉ hành nghề. ***(Áp dụng với trường hợp Gia hạn Chứng chỉ - K.3, Đ.77)***

**Điều 79. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thành lập hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề để đánh giá cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Cơ cấu và số lượng thành viên hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề quyết định.

3. Thành phần hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thành lập bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của cơ quan này;

c) Các Ủy viên tham gia hội đồng là những công chức, viên chức có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề, các chuyên gia có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề trong trường hợp cần thiết.

4. Thành phần hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập bao gồm;

a) Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

b) Các ủy viên hội đồng là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

5. Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo quy chế do Chủ tịch hội đồng quyết định ban hành.

**Điều 80. Trình tự cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Đối với trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng:

a) Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điều 76 Nghị định này qua mạng trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong thời hạn 20 ngày đối với trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, điều chỉnh hạng, điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề, gia hạn chứng chỉ; 10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề; 25 ngày đối với trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề phải thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị;

c) Đối với cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng nhưng chưa có kết quả sát hạch thì thời hạn xét cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này được tính kể từ thời điểm có kết quả sát hạch.

2. Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra, trong đó có kiến nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề; trường hợp không thu hồi thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân có kiến nghị thu hồi;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi chứng chỉ cho cá nhân bị thu hồi và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình; đồng thời gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định;

c) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phải nộp lại bản gốc chứng chỉ hành nghề cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi;

d) Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ hành nghề bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chứng chỉ hành nghề bị thu hồi;

đ) Trường hợp cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề không nộp lại chứng chỉ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thu hồi ra quyết định tuyên hủy chứng chỉ hành nghề, gửi cho cá nhân bị tuyên hủy chứng chỉ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

**Điều 81. Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động xây dựng, có phạm vi hoạt động trên cả nước;

b) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và phê duyệt điều lệ hội;

c) Đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề:

a) Đơn đề nghị công nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và phê duyệt điều lệ hội;

c) Bản kê khai điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sát hạch.

3. Trình tự, thực hiện thủ tục công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề:

a) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tới Bộ Xây dựng để được công nhận;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng xem xét và ban hành Quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề. Quyết định công nhận được gửi cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 82. Thu hồi Quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp bị thu hồi quyết định công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng được một trong các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Nghị định này;

b) Cấp chứng chỉ hành nghề các lĩnh vực hoạt động xây dựng không thuộc phạm vi được công nhận;

c) Cấp chứng chỉ hành nghề không đúng thẩm quyền;

d) Cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định.

2. Bộ Xây dựng thực hiện thu hồi quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Việc xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có đủ căn cứ thu hồi. Quyết định thu hồi được gửi cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp đã bị thu hồi quyết định công nhận thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này được đề nghị công nhận sau 06 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi. Việc cấp quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 81 Nghị định này.

**Mục 2. ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA**

**TỔ CHỨC**

**Điều 83. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định này khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực sau đây:

a) Khảo sát xây dựng;

b) Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;

c) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;

d) Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;

đ) Thi công xây dựng công trình;

e) Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;

g) Kiểm định xây dựng;

h) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều này phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là chứng chỉ năng lực), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Các lĩnh vực, phạm vi hoạt động của chứng chỉ năng lực thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII Nghị định này.

3. Tổ chức không yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực theo quy định của Nghị định này khi tham gia các công việc sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực (trừ thực hiện tư vấn quản lý dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định này); Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Điều 23 Nghị định này;

b) Thiết kế, giám sát, thi công về phòng cháy chữa cháy theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

c) Thiết kế, giám sát, thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình;

d) Thi công công tác hoàn thiện công trình xây dựng như trát, ốp lát, sơn, lắp đặt cửa, nội thất và các công việc tương tự khác không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình;

đ) Tham gia hoạt động xây dựng đối với công trình cấp IV; công viên cây xanh, công trình chiếu sáng công cộng; đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông; dự án chỉ có các công trình nêu tại điểm này;

e) Thực hiện các hoạt động xây dựng của tổ chức nước ngoài theo giấy phép hoạt động xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Xây dựng năm 2014.

4. Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc tổ chức có chức năng tham gia hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề phù hợp và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

5. Chứng chỉ năng lực có hiệu lực 10 năm khi cấp lần đầu hoặc cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hoặc gia hạn chứng chỉ. Trường hợp cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hoặc cấp lại do chứng chỉ cũ còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin thì ghi thời hạn theo chứng chỉ được cấp trước đó.

6. Chứng chỉ năng lực có quy cách và nội dung chủ yếu theo Mẫu số 07 Phụ lục IV Nghị định này.

7. Chứng chỉ năng lực được quản lý thông qua số chứng chỉ năng lực, bao gồm 02 nhóm ký hiệu, các nhóm được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), cụ thể như sau:

a) Nhóm thứ nhất: có tối đa 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định tại Phụ lục VIII Nghị định này;

b) Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ năng lực.

8. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về việc cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực; quản lý cấp mã số chứng chỉ năng lực; công khai danh sách tổ chức được cấp chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của mình; tổ chức thực hiện thủ tục cấp chứng chỉ năng lực trực tuyến.

**Điều 84. Cấp, thu hồi, gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Chứng chỉ năng lực được cấp cho tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu; điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực;

b) Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực;

c) Cấp lại khi chứng chỉ năng lực cũ còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin;

d) Gia hạn chứng chỉ năng lực.

2. Chứng chỉ năng lực bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực chấm dứt hoạt động xây dựng, giải thể hoặc phá sản;

b) Không còn đáp ứng đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định;

c) Giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ năng lực;

d) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng chứng chỉ năng lực;

đ) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ năng lực;

e) Chứng chỉ năng lực được cấp không đúng thẩm quyền;

g) Chứng chỉ năng lực bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ năng lực;

h) Chứng chỉ năng lực được cấp khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

3. Tổ chức đã bị thu hồi chứng chỉ năng lực thuộc trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều này được đề nghị cấp chứng chỉ năng lực sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ năng lực. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ năng lực như trường hợp cấp chứng chỉ năng lực quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Tổ chức đã bị thu hồi chứng chỉ năng lực thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều này được cấp lại chứng chỉ năng lực theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 90 Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện việc gia hạn chứng chỉ năng lực trong thời hạn 03 tháng tính tới thời điểm chứng chỉ năng lực hết hiệu lực. Sau thời hạn này, tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động xây dựng thì thực hiện đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thực hiện như đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Điều 85. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực**

1. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu được cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ năng lực;

b) Được hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung quy định được ghi trên chứng chỉ năng lực;

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp và sử dụng chứng chỉ năng lực.

2. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ do mình cung cấp khi đề nghị cấp chứng chỉ; nộp lệ phí theo quy định;

b) Hoạt động đúng với lĩnh vực, phạm vi hoạt động ghi trên chứng chỉ năng lực được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Duy trì, đảm bảo điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức theo chứng chỉ năng lực được cấp;

d) Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ năng lực;

đ) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức xuất trình chứng chỉ năng lực và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

**Điều 86. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng I;

b) Sở Xây dựng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực là cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ năng lực do mình cấp.

Trường hợp chứng chỉ năng lực được cấp không đúng quy định mà cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực không thực hiện thu hồi thì Bộ Xây dựng trực tiếp quyết định thu hồi chứng chỉ năng lực.

**Điều 87. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực lần đầu, điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định này;

b) Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập;

c) Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình);

đ) Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định này hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc;

đ) Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực;

e) Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II);

g) Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai (đối với tổ chức thi công xây dựng hạng I, hạng II);

h) Các tài liệu theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại chứng chỉ năng lực bao gồm đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 04 Phụ lục V Nghị định này và bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực bao gồm đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định này, bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức thực hiện nộp lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực. Việc thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ năng lực thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 88. Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực thành lập hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực để đánh giá cấp chứng chỉ năng lực.

2. Cơ cấu và số lượng thành viên hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực quyết định.

3. Thành phần Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thành lập bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của cơ quan cấp chứng chỉ năng lực;

b) Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của cơ quan này;

c) Các Ủy viên tham gia hội đồng là những công chức, viên chức có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực xét cấp chứng chỉ năng lực, các chuyên gia có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực xét cấp chứng chỉ năng lực trong trường hợp cần thiết.

4. Thành phần hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

b) Các Ủy viên hội đồng là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

5. Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo Quy chế do Chủ tịch hội đồng quyết định ban hành.

**Điều 89. Đánh giá cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực quyết định việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng sau khi có kết quả đánh giá của Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

2. Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức được đánh giá theo tiêu chí đáp ứng các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

3. Mỗi cá nhân thuộc tổ chức có thể đảm nhận một hoặc nhiều chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề, tham gia thực hiện các công việc khi đáp ứng được điều kiện năng lực tương ứng theo quy định. Trường hợp tổ chức chỉ có cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số lĩnh vực, loại hình, bộ môn thì việc đánh giá được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. ***Cá nhân yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề, cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động***, được xác định là đáp ứng yêu cầu đối với lĩnh vực hoặc loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực như sau:

**a) Đối với tổ chức khảo sát xây dựng:** cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khảo sát xây dựng phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực khảo sát xây dựng thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực khảo sát xây dựng đó;

**b) Đối với tổ chức lập quy hoạch xây dựng:** cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn vê quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông của đồ án quy hoạch xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

**c) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:**

**Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp**: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn kiến trúc; kết cấu công trình; cơ - điện công trình; cấp - thoát nước công trình của thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình bao gồm: thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình phù hợp với công việc đảm nhận và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. ***Trường hợp các cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì đối với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng công trình thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với nội dung thiết kế xây dựng của bộ môn đó.***

**Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông:** cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông ***phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ cửa tổ chức.***

**Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn**: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn***phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.***

**Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật:** cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có *chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thiết kế kết cấu công trình* ***phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;***

**d) Đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án:** cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức; *cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng* ***phù hợp với nhóm dự án, cấp công trình,***công việc đảm nhận và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

**đ) Đối với tổ chức giám sát thi công xây dựng:** cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với lĩnh vực và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. ***Trường hợp cá nhân chỉ có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực giám sát thi công xây dựng thì chỉ được xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng đó;***

e**) Đối với tổ chức thi công xây dựng công trình:** cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định này. ***Trường hợp tổ chức kê khai cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực giám sát thi công xây dựng hoặc chỉ có kinh nghiệm chỉ huy trưởng đối với công tác xây dựng hoặc công tác lắp đặt thiết bị vào công trình thì được xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực thi công xây dựng đó.***

***5. Cá nhân tham gia thực hiện công việc thuộc tổ chức là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động***, được xác định là đáp ứng yêu cầu đối với lĩnh vực hoặc loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khi có trình độ chuyên môn được đào tạo tương ứng theo quy định tại Điều 67 Nghị định này phù hợp với công việc đảm nhận**.** *Riêng trường hợp cá nhân phụ trách thi công phải có trình độ chuyên môn được đào tạo tương ứng với trình độ chuyên môn được đào tạo của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng*.

6. Kinh nghiệm của tổ chức được xác định là phù hợp khi công việc thực hiện theo nội dung kê khai được nghiệm thu theo quy định, được thực hiện phù hợp với lĩnh vực hoạt động, hạng năng lực và trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ năng lực đã được cấp. ***Trường hợp kinh nghiệm của tổ chức được thực hiện trong thời gian không yêu cầu chứng chỉ năng lực thì phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký.*** Đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng III thì không yêu cầu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc.

***Trường hợp tổ chức chỉ thực hiện hoạt động xây dựng đối với các công việc xây dựng chuyên biệt thì được đánh giá cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với công trình xây dựng của công việc xây dựng chuyên biệt đó.***

**Điều 90. Trình tự cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Đối với trường hợp cấp chứng chỉ năng lực:

a) Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo quy định tại Điều 87 Nghị định này qua mạng trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực;

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực trong thời hạn 20 ngày đối với trường hợp cấp chứng chỉ năng lực lần đầu, điều chỉnh hạng, điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực; 10 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ năng lực. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực phải thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

2. Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ năng lực:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra, trong đó, có kiến nghị thu hồi chứng chỉ năng lực hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi chứng chỉ năng lực quy định tại khoản 2 Điều 84 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ năng lực ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ năng lực; trường hợp không thu hồi thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân có kiến nghị thu hồi;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ năng lực có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi chứng chỉ năng lực cho tổ chức bị thu hồi và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình; đồng thời gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định;

c) Tổ chức bị thu hồi chứng chỉ năng lực phải nộp lại bản gốc chứng chỉ năng lực cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi;

d) Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ năng lực bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ năng lực, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ năng lực có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ năng lực trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chứng chỉ năng lực bị thu hồi;

đ) Trường hợp tổ chức bị thu hồi chứng chỉ năng lực không nộp lại chứng chỉ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thu hồi ra quyết định tuyên hủy chứng chỉ năng lực, gửi cho tổ chức bị tuyên hủy chứng chỉ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình; đồng thời gửi thông tin để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

**Điều 91. Điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng**

1. Điều kiện chung đối với các hạng như sau:

a) Có phòng thí nghiệm hoặc có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm với phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng được công nhận theo quy định đối với lĩnh vực khảo sát địa chất công trình;

b) Có máy móc, thiết bị hoặc có khả năng huy động máy móc, thiết bị phục vụ công việc khảo sát của lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

2. Hạng I:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng I phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 01 công hình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại hình khảo sát.

3. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

4. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

**Điều 92. Điều kiện năng lực của tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng**

Tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng đối với các hạng năng lực như sau:

1. Hạng l:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật; giao thông của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng (trong đó ít nhất 01 đồ án là quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tinh phê duyệt.

2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật; giao thông của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật; giao thông của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

**Điều 93. Điều kiện năng lực của tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng**

Tổ chức tham gia hoạt động thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

1. Hạng I:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại.

2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

**Điều 94. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng**

Tổ chức tham gia hoạt động tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

1. Hạng I:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án hạng I;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng hạng I phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận;

d) Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên.

2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận;

d) Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên.

3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận,

**Điều 95. Điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình**

Tổ chức tham gia hoạt động thi công xây dựng công trình phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

1. Hạng I:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 03 năm đối với trình độ đại học, 05 năm đối với trình độ cao đẳng nghề;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

d) Đã trực tiếp thi công công tác xây dựng của hạng mục công trình, công trình hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại đối với trường hợp thi công công tác xây dựng;

đ) Đã trực tiếp thi công lắp đặt thiết bị của hạng mục công trình, công trình liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên đối với trường hợp thi công lắp đặt thiết bị vào công trình.

2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

d) Đã trực tiếp thi công công tác xây dựng của hạng mục công trình, công trình hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại đối với trường hợp thi công công tác xây dựng;

đ) Đã trực tiếp thi công lắp đặt thiết bị của hạng mục công trình, công trình liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên đối với trường hợp thi công lắp đặt thiết bị vào công trình.

3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

**Điều 96. Điều kiệu năng lực của tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng**

Tổ chức tham gia hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

1. Hạng I:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

b) Đã giám sát công tác xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát công tác xây dựng công trình;

c) Đã giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên đối với lĩnh vực giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình.

2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

b) Đã giám sát công tác xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát công tác xây dựng công trình;

c) Đã giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên đối với lĩnh vực giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình.

3. Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình, lĩnh vực giám sát thi công xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

**Điều 97. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng**

1. Tổ chức tham gia hoạt động kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng của bộ phận công trình, công trình xây dựng, kiểm định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

a) Hạng I:

- Cá nhân đảm nhận chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng hạng I phù hợp;

- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác kiểm định xây dựng;

- Đã thực hiện kiểm định xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II cùng loại trở lên.

b) Hạng II;

- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp;

- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác kiểm định xây dựng;

- Đã thực hiện kiểm định xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III cùng loại trở lên.

c) Hạng III:

- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng hạng III phù hợp;

- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác kiểm định xây dựng.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng I: Được thực hiện kiểm định xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại;

b) Hạng II: Được thực hiện kiểm định xây dựng các công trình từ cấp II trở xuống cùng loại;

c) Hạng III: Được thực hiện kiểm định xây dựng các công trình từ cấp III trở xuống cùng loại.

3. Tổ chức tham gia hoạt động kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, sản phẩm xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phải sử dụng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các phép thử được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với nội dung thực hiện kiểm định;

b) Cá nhân thực hiện kiểm định có chuyên môn phù hợp với công tác kiểm định xây dựng.

**Điều 98. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng**

1. Tổ chức tham gia hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực như sau:

a) Hạng I:

- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng I;

- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Đã thực hiện quản lý chi phí của ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên.

b) Hạng II:

- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ hạng II trở lên;

- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Đã thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên.

c) Hạng III:

- Cá nhân chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ hạng III trở lên;

- Cá nhân tham gia thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hạng I: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với tất cả các dự án;

b) Hạng II: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án từ nhóm B trở xuống;

c) Hạng III: Được thực hiện các công việc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

**Điều 99. Đăng tải thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng**

1. Thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng đã được cấp chứng chỉ phải được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ quản lý và tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Trình tự thực hiện đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng:

Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân lên trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời gửi thông tin đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Thời gian thực hiện đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp chứng chỉ. Thời gian thực hiện tích hợp thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin cửa cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ.

**Điều 100. Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động xây dựng, có phạm vi hoạt động trên cả nước;

b) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và phê duyệt điều lệ hội.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và phê duyệt điều lệ hội.

3. Trình tự, thực hiện thủ tục công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực:

a) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này tới Bộ Xây dựng để được công nhận;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng xem xét và ban hành quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực. Quyết định công nhận được gửi cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định.

**Điều 101. Thu hồi quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp bị thu hồi quyết định công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng được một trong các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Nghị định này;

b) Cấp chứng chỉ năng lực các lĩnh vực hoạt động xây dựng không thuộc phạm vi được công nhận;

c) Cấp chứng chỉ năng lực không đúng thẩm quyền;

d) Cấp chứng chỉ năng lực cho tổ chức không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định.

2. Bộ Xây dựng thực hiện thu hồi quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Việc xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có đủ căn cứ thu hồi. Quyết định thu hồi được gửi cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp đã bị thu hồi quyết định công nhận thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này được đề nghị công nhận sau 06 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi. Việc cấp quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực thực hiện theo quy định tại Điều 100 Nghị định này.

**Điều 111. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Nghị định số [59/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-59-2015-nd-cp-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung-278744.aspx" \o "Nghị định 59/2015/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số [42/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-42-2017-nd-cp-sua-doi-59-2015-nd-cp-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung-320139.aspx) ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [59/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-59-2015-nd-cp-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung-278744.aspx) ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Điều 1, Điều 4, từ Phụ lục I đến Phụ lục IX Nghị định số [100/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-100-2018-nd-cp-sua-doi-quy-dinh-ve-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-trong-quan-ly-nha-nuoc-368352.aspx" \o "Nghị định 100/2018/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Các quy định trước đây của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, CN (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG     Nguyễn Xuân Phúc** |

**Phụ lục VI**

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

| **STT** | **Lĩnh vực hoạt động**  **xây dựng** | **Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** |
| **1** | **Khảo sát xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 1.1 | Khảo sát địa hình | Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng tất cả các nhóm dự án, các cấp công trình cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm B, công trình cấp II trở xuống cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, công trình cấp III trở xuống cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề |  |
| 1.2 | Khảo sát địa chất công trình |
| **2** | **Lập thiết kế quy hoạch xây dựng** | Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng. | Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện | Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện |  |
| **3** | **Thiết kế xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 3.1 | Thiết kế kết cấu công trình | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của tất cả các cấp công trình | Được chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp II trở xuống | Được chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp III trở xuống |  |
| 3.2 | Thiết kế cơ - điện công trình | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của tất cả các cấp công trình | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của công trình từ cấp II trở xuống | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của công trình cấp III, cấp IV |  |
| 3.3 | Thiết kế cấp - thoát nước công trình | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cấp - thoát nước của tất cả các cấp công trình | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cấp - thoát nước của công trình từ cấp II trở xuống | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cấp - thoát nước của công trình cấp III, cấp IV |  |
| 3.4 | Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống |  |
| 3.5 | Thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm:  3.5.1. Đường bộ  3.5.2. Đường sắt  3.5.3. Cầu - Hầm  3.5.4. Đường thủy nội địa - Hàng hải |
| 3.6 | Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm:  3.6.1. Cấp nước - Thoát nước  3.6.2. Xử lý chất thải rắn | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống |  |
| 3.7 | Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống | Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống |  |
| **4** | **Giám sát thi công xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 4.1 | Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | Được làm giám sát trưởng các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm giám sát trưởng các công trình từ cấp II trở xuống thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm giám sát trưởng các công trình từ cấp III trở xuống thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề |  |
| 4.2 | Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông |
| 4.3 | Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) |
| 4.4 | Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình | Được làm giám sát trưởng, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình | Được giám sát trưởng lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp II trở xuống, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình | Được giám sát trưởng lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp III trở xuống, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình |  |
| **5** | **Định giá xây dựng** | Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng không phân biệt loại, nhóm dự án và loại, cấp công trình xây dựng | Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại dự án từ nhóm B trở xuống và các loại công trình từ cấp II trở xuống | Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các loại công trình từ cấp III trở xuống |  |
| **6** | **Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 6.1 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | Được làm giám đốc quản lý dự án tất cả các nhóm dự án thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm giám đốc quản lý dự án nhóm B, nhóm C thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề | Được làm giám đốc quản lý dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề |  |
| 6.2 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông |
| 6.3 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) |

**Ghi chú:** Tổng hội Xây dựng Việt Nam có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II và III cho các hội viên của Tổng hội ở tất cả 6 Nhóm lĩnh vực nêu trên.

**Phụ lục VII**

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

| **STT** | **Lĩnh vực hoạt động**  **xây dựng** | **Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng I** | **Hạng II** | **Hạng III** |
| **1** | **Khảo sát xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 1.1 | Khảo sát địa hình | Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực tất cả các dự án và cấp công trình | Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực của dự án đến nhóm B, công trình đến cấp II | Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực của dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, công trình đến cấp III |  |
| 1.2 | Khảo sát địa chất công trình |
| **2** | **Lập thiết kế quy hoạch xây dựng** | Được lập tất cả các loại đồ án quy hoạch xây dựng | Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện | Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trừ các đồ án quan trọng thuộc diện đồ án phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng theo quy định pháp luật |  |
| **3** | **Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 3.1 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống | Trường hợp tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng thì phạm vi thiết kế, thẩm tra |
| 3.2 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác từ cấp III trở xuống |
| 3.3 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp III trở xuống | thiết kế xây dựng áp dụng đối với bộ môn đó tương ứng với từng hạng chứng chỉ. |
| 3.4 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp dầu khí | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống |
| 3.5 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng, gồm:  3.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt  3.5.2. Điện hạt nhân  3.5.3. Thủy điện  3.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều  3.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas  3.5.6. Đường dây và trạm biến áp |
| 3.6 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm:  3.6.1. Đường bộ  3.6.2. Đường sắt  3.6.3. Cầu - hầm  3.6.4. Đường thủy nội địa, hàng hải |  |  |  |  |
| 3.7 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp III trở xuống |
| 3.8 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật:  3.8.1. Cấp nước, thoát nước  3.8.2. Xử lý chất thải | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống |
| 3.9 | Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...) | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt tất cả các cấp công trình | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp II trở xuống | Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp III trở xuống |
| **4** | **Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 4.1 | Tư vấn quảnlý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp - hạ tầng kỹ thuật | Được quản lý dự án tất cả các nhóm dự án cùng loại | Được quản lý dự án các dự án cùng loại từ nhóm B trở xuống | Được quản lý dự án các dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng cùng loại |  |
| 4.2 | Tư vấn quảnlý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông |
| 4.3 | Tư vấn quảnlý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| **5** | **Thi công xây dựng công trình, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 5.1 | Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng | Được thi công công tác xây dựng công trình tất | Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp II | Được thi công công tác xây dựng công trình từ |  |
|  |  | cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn | trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn | cấp III trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn |  |
| 5.2 | Thi công công tác xây dựng công trình nhà công nghiệp | Được thi công công tác xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác | Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác | Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp III trở xuống của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác |  |
| 5.3 | Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản | Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản | Được thi công công tác xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp II trở xuống | Được thi công công tác xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp III trở xuống |
| 5.4 | Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp dầu khí | Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại | Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp II trở xuống | Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp III trở xuống |  |
| 5.5 | Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng, gồm:  5.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt  5.5.2. Điện hạt nhân  5.5.3. Thủy điện  5.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều  5.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas  5.5.6. Đường dây và trạm biến áp |
| 5.6 | Thi công công tác xây dựng công trình giao thông, gồm:  5.6.1. Đường bộ  5.6.2. Đường sắt  5.6.3. Cầu - Hầm  5.6.4. Đường thủy nội địa - Hàng hải |
| 5.7 | Thi công công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) | Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè | Được thi công công tác xây dựng của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp II trở xuống | Được thi công công tác xây dựng của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp III trở xuống |  |
| 5.8 | Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật:  5.8.1. Cấp nước, thoát nước  5.8.2. Xử lý chất thải rắn | Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình cùng loại | Được thi công công tác xây dựng của công trình cùng loại từ cấp II trở xuống | Được thi công công tác xây dựng của công trình cùng loại từ cấp III trở xuống |
| 5.9 | Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình | Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình tất cả các cấp công trình | Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình từ cấp II trở xuống | Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình từ cấp III trở xuống |
| 5.10 | Thi công công tác xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...) | Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt tất cả các cấp công trình | Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp II trở xuống | Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp III trở xuống |
| **6** | **Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm:** |  |  |  |  |
| 6.1 | Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng | Được giám sát công tác xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình cùng loại | Được giám sát công tác xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống | Được giám sát công tác xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống |  |
| 6.2 | Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp |
| 6.3 | Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông |
| 6.4 | Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| 6.5 | Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật |
| 6.6 | Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình | Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình | Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp II trở xuống | Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp III trở xuống |  |

**Ghi chú:** Tổng hội Xây dựng Việt Nam có thẩm quyền cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II và III cho các hội viên của Tổng hội ở tất cả 6 Nhóm lĩnh vực nêu trên.